

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: /2026/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số/TTr-STC ngày ... tháng năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên

quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL và Quản lý xử lý
VPHC (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TTHĐND tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT (...).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định nguyên tắc, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong việc vận động, tiếp nhận, lập hồ sơ, thẩm định, phê duyệt, quản lý, sử dụng, kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo đối với các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật.

b) Các nội dung liên quan đến quản lý và sử dụng viện trợ không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08/12/2025 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy chế này.

b) Bên cung cấp viện trợ trong Quy chế này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

c) Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ trên địa bàn tỉnh trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với

trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức và các đơn vị thực hiện.

2. Việc quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh phải bảo đảm phân định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ quản, chủ khoản viện trợ, cơ quan chủ trì thẩm định, cơ quan phối hợp thẩm định và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; bảo đảm không chồng chéo, không bỏ sót trách nhiệm trong quá trình vận động, tiếp nhận, phê duyệt, triển khai thực hiện, quản lý tài chính, kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo các khoản viện trợ.

3. Các khoản viện trợ khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên cung cấp viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên cung cấp viện trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Không tiếp nhận các khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Chương II

LẬP HỒ SƠ, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 3. Lập hồ sơ khoản viện trợ

1. Chủ khoản viện trợ có trách nhiệm phối hợp với bên cung cấp viện trợ lập hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, chính xác, hợp pháp của hồ sơ.

2. Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ khoản viện trợ gửi hồ sơ đến Sở Tài chính để chủ trì thẩm định, tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, chủ khoản viện trợ có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của Sở Tài chính hoặc cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thẩm định.

Điều 4. Cơ quan chủ trì thẩm định

1. Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định; chủ trì lấy ý kiến các cơ quan có liên quan theo tính chất của khoản viện trợ để tổng hợp, hoàn thiện báo cáo thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đối với các khoản viện trợ không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với

các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến đối với khoản viện trợ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Việc thẩm định, trình phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định của Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định; có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, chủ trì lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan theo tính chất của khoản viện trợ, tổng hợp kết quả thẩm định và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

3. Các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu, tham gia ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm về nội dung tham gia ý kiến; trường hợp cần thiết, phối hợp với các cơ quan liên quan để thống nhất ý kiến trước khi gửi Sở Tài chính.

Chương III

QUẢN LÝ VIỆN TRỢ

Điều 6. Quản lý thực hiện khoản viện trợ

1. Chủ khoản viện trợ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện khoản viện trợ theo đúng quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và quy định của Nghị định số 313/2025/NĐ-CP; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, sử dụng khoản viện trợ đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện khoản viện trợ, chủ khoản viện trợ có trách nhiệm chủ động phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan để giải quyết các khó khăn, vướng mắc; trường hợp vượt thẩm quyền thì kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo theo quy định.

3. Trường hợp có nhu cầu điều chỉnh nội dung chương trình, dự án, phi dự án viện trợ, chủ khoản viện trợ lập hồ sơ gửi Sở Tài chính để chủ trì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Chủ khoản viện trợ thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và báo cáo kết thúc khoản viện trợ theo quy định của Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và Quy chế này; gửi Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo theo quy định.

Điều 7. Quản lý tài chính viện trợ

1. Việc quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ không hoàn lại không

thuộc hỗ trợ phát triển chính thức được thực hiện theo quy định của Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán, quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn đối ứng; tổng hợp nhu cầu vốn đối ứng và các nguồn lực cần thiết để thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án viện trợ theo quy định.

c) Theo dõi, tổng hợp tình hình quản lý, giải ngân, quyết toán và báo cáo về quản lý tài chính các khoản viện trợ theo quy định.

3. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước khu vực XIV

a) Thực hiện mở và quản lý tài khoản, kiểm soát chi, thanh toán, hạch toán, ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Tài chính và chủ khoản viện trợ trong việc quản lý, thanh toán, đối chiếu số liệu và cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, báo cáo theo quy định.

4. Trách nhiệm của chủ khoản viện trợ

a) Quản lý, sử dụng nguồn vốn viện trợ và vốn đối ứng (nếu có) đúng mục đích, đúng nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, quyết toán, quản lý tài sản và lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, sử dụng nguồn vốn viện trợ; thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo quy định và cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 8. Quản lý tài sản viện trợ

1. Việc quản lý, sử dụng, hạch toán, xử lý tài sản hình thành từ các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định của Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chủ khoản viện trợ và cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản viện trợ có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng, hạch toán, bàn giao và xử lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản hình thành từ các khoản viện trợ thuộc phạm vi quản lý của địa phương; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đối ngoại thuộc phạm vi được giao, có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền.

b) Theo dõi, đôn đốc việc xử lý hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình xem xét, quyết định các khoản viện trợ.

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh; theo dõi việc thực hiện các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các khoản viện trợ.

d) Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện công tác đối ngoại, vận động viện trợ; quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình vận động, tiếp nhận, triển khai, theo dõi và quản lý các chương trình, dự án, phi dự án viện trợ theo quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các vấn đề phát sinh trong quan hệ với bên cung cấp viện trợ và các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong quá trình triển khai các khoản viện trợ theo thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

Là cơ quan đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Chủ trì tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan liên quan và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền.

b) Chủ trì tham mưu chủ trương tiếp nhận viện trợ; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn viện trợ và vốn đối ứng theo quy định.

c) Xây dựng, quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu về các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh; theo dõi tiến độ thực hiện, tình hình giải ngân, kết quả thực hiện của từng chương trình, dự án, phi dự án viện trợ.

d) Chủ trì tổng hợp, công khai thông tin về tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ theo quy định của pháp luật.

đ) Chủ trì tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất gửi Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý các khoản viện trợ phát sinh ngoài kế hoạch hoặc các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

g) Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết.

3. Công an tỉnh

a) Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng quy a) Phối hợp tham gia thẩm định các khoản viện trợ theo chức năng, nhiệm vụ; tham gia rà soát các yếu tố về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội đối với các khoản viện trợ theo quy định.

b) Phối hợp quản lý hoạt động của tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia khảo sát, triển khai, giám sát các chương trình, dự án, phi dự án viện trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh, cư trú và các quy định có liên quan.

c) Phối hợp kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

4. Kho Bạc nhà nước khu vực XIV

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm:

a) Phối hợp hướng dẫn chủ khoản viện trợ thực hiện việc mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước ngay từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện chương trình, dự án, phi dự án viện trợ theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện kiểm soát chi, thanh toán, hạch toán, ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với Sở Tài chính và chủ khoản viện trợ trong việc đối chiếu số liệu, cung cấp thông tin, thực hiện chế độ báo cáo, quyết toán và theo dõi tình hình giải ngân các khoản viện trợ; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý.

6. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tiếp nhận, triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra, giám sát và kết thúc các chương trình, dự án, phi dự án viện trợ thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý; tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

b) Tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ theo đề nghị của Sở Tài chính hoặc cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm về nội dung tham gia ý kiến thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

c) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và trung thực của thông tin, số liệu báo cáo.

d) Kịp thời báo cáo Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc hoặc các vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền trong quá trình quản lý, sử dụng viện trợ để tổng hợp, tham mưu xử lý theo quy định.

đ) Phối hợp với Sở Tài chính trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc quản lý và sử dụng viện trợ; thực hiện các kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chủ động phối hợp với Sở Tài chính trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án viện trợ; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì việc áp dụng được thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh; định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Quy chế, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm kịp thời phản ánh bằng văn bản đến Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.